

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

MỤC LỤC	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09 - 10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 52

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

104/140 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105087537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/12/2010.

Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537, thay đổi lần thứ 09 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 12/11/2021.

Công ty có trụ sở chính tại: 104/140 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Tập đoàn trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Dương Thị Huyền	Thành viên
Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên
Ông Phạm Văn Trường	Thành viên
Ông Lê Thành Nhân	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Huệ	Trưởng ban
Bà Hà Thị Hiến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Nhu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15/6/2024)
Bà Ngô Thị Hương Giang	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15/6/2024)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Mai Anh Tám - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam đã hoàn tất việc chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ lên thành 600.000.000.000 đồng (Sáu trăm tỷ đồng).

Công ty đã được Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thông báo thay đổi đăng ký niêm yết kể từ ngày 07/6/2024 theo Thông báo số 1151/TB-SGDHCM ngày 14/6/2024. Theo đó, số lượng chứng khoán niêm yết của Công ty là 60.000.000 cổ phiếu, tương đương giá trị niêm yết là 600.000.000.000 đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 1506/2024/CRC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/6/2024 đã thông qua phương án hủy việc phát hành hành 1.800.000 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 6%) và hủy chào bán 20.000.000 cổ phiếu theo hình thức chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 1506/2024/CRC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/6/2024 thông qua phương án chào bán 40.000.000 cổ phiếu theo hình thức chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Thời gian thực hiện chào bán dự kiến trong năm 2024 - 2025.

Ngoài những sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 của Tập đoàn.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.

- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Tập đoàn không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

7. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 52, báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30/06/2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam



DƯƠNG THỊ HUYỀN

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2024



Số: 041/2024/BCSXHN-HT.00168

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 27/8/2024, từ trang 06 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



NGUYỄN TRUNG THÀNH

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1673-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Thành phố Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 01/01/2024
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		572.158.159.408	272.362.338.803
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	47.269.405.202	64.520.287.292
Tiền	111		27.649.405.202	28.500.287.292
Các khoản tương đương tiền	112		19.620.000.000	36.020.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		29.073.000.000	48.820.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	29.073.000.000	48.820.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		357.612.388.164	95.395.827.597
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	155.061.942.449	12.927.677.085
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	151.716.808.492	76.327.886.077
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	50.916.637.378	6.223.264.590
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(83.000.155)	(83.000.155)
Hàng tồn kho	140	5.8	94.078.903.283	42.321.480.957
Hàng tồn kho	141		94.078.903.283	42.321.480.957
Tài sản ngắn hạn khác	150		44.124.462.759	21.304.742.957
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	323.703.326	246.903.595
Thuế GTGT được khấu trừ	152		43.756.017.014	21.029.387.554
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	44.742.419	28.451.808
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		674.424.858.347	375.620.983.160
Các khoản phải thu dài hạn	210		47.950.000.000	42.450.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	5.5	47.950.000.000	42.450.000.000
Tài sản cố định	220		445.881.455.820	265.547.914.106
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	441.550.108.229	265.547.914.106
- Nguyên giá	222		552.371.155.210	317.791.498.827
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(110.821.046.981)	(52.243.584.721)
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	4.331.347.591	-
- Nguyên giá	228		4.851.995.501	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(520.647.910)	-
Bất động sản đầu tư	230	5.11	74.967.671.766	-
- Nguyên giá	231		74.967.671.766	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		72.713.903.899	66.467.816.733
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	72.713.903.899	66.467.816.733
Đầu tư tài chính dài hạn	250		24.818.390.834	500.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	4.718.390.834	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	19.600.000.000	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	500.000.000	500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		8.093.436.028	655.252.321
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	4.114.726.811	655.252.321
Lợi thế thương mại	269		3.978.709.217	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.246.583.017.755	647.983.321.963

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 01/01/2024
NỢ PHẢI TRẢ	300		444.209.191.229	245.601.723.549
Nợ ngắn hạn	310		282.533.312.388	169.953.078.442
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	30.602.961.149	4.637.310.923
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	2.987.226.383	127.247.148
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	1.198.346.193	1.304.651.897
Phải trả người lao động	314		1.929.382.241	24.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	271.962.106	445.049.212
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	1.885.568.500	1.419.800.500
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	243.657.865.816	161.995.018.762
Nợ dài hạn	330		161.675.878.841	75.648.645.107
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		115.989.115	115.989.115
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	161.559.889.726	75.532.655.992
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		802.373.826.526	402.381.598.414
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	802.373.826.526	402.381.598.414
Vốn góp của chủ sở hữu	411		600.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		600.000.000.000	300.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(406.459.596)	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.645.604.925	10.645.604.925
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		130.997.180.712	86.544.253.212
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		86.466.253.212	57.716.531.547
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		44.530.927.500	28.827.721.665
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		61.137.500.485	5.191.740.277
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.246.583.017.755	647.983.321.963

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



VŨ THỊ PHƯƠNG ANH



NGUYỄN THỊ THÚY NGA



DƯƠNG THỊ HUỲN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	221.921.990.554	183.060.177.315
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		221.921.990.554	183.060.177.315
Giá vốn hàng bán	11	6.2	185.147.185.275	155.928.549.585
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		36.774.805.279	27.131.627.730
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	570.991.427	137.218.987
Chi phí tài chính	22	6.4	8.308.364.274	7.810.063.747
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.224.499.524	7.810.063.747
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	1.352.645.873	255.861.162
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	4.655.290.140	2.996.064.719
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.029.496.419	16.206.857.089
Thu nhập khác	31	6.7	22.848.762.045	244.835.509
Chi phí khác	32	6.8	25.591.602	20.498.233
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		22.823.170.443	224.337.276
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		45.852.666.862	16.431.194.365
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	436.448.868	547.872.634
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		45.416.217.994	15.883.321.731
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		44.530.927.500	15.546.065.054
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		885.290.494	337.256.677
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	6.11	1.113	518
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	6.11	557	190

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2024
Tổng Giám đốc



VŨ THỊ PHƯƠNG ANH

NGUYỄN THỊ THÚY NGA

DƯƠNG THỊ HUYỀN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		45.852.666.862	16.431.194.365
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		(9.532.751.566)	9.199.536.645
Các khoản dự phòng	03		-	-
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		83.481.800	-
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(341.262.210)	(97.665.325)
Chi phí lãi vay	06		8.224.499.524	7.810.063.747
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		44.286.634.410	33.343.129.432
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(49.831.658.852)	(10.074.861.430)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(26.924.623.590)	6.284.219.270
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		25.132.860.408	(6.050.764.246)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		1.203.168.948	(2.042.497)
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.229.515.635)	(8.001.698.627)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(440.174.859)	(506.941.346)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(15.803.309.170)	14.991.040.556
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.592.248.591)	(22.724.329.846)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(25.100.000.000)	(35.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		45.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(276.287.749.148)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	28.573.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		390.415.421	97.665.325
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(258.589.582.318)	(29.053.664.521)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của Chủ sở hữu	31		299.593.540.404	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	159.469.346.599	207.522.842.304
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(201.920.877.605)	(207.008.976.678)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		257.142.009.398	513.865.626
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	50		(17.250.882.090)	(13.548.758.339)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	60		64.520.287.292	29.177.886.751
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	47.269.405.202	15.629.128.412

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



VŨ THỊ PHƯƠNG ANH

NGUYỄN THỊ THÚY NGA

DƯƠNG THỊ HUYỀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105087537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/12/2010.

Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537, thay đổi lần thứ 09 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 12/11/2021.

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 600.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán HOSE với mã cổ phiếu: CRC.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất; kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác khí đốt tự nhiên;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt thép;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ đồ nông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất pin và ắc quy (Chi tiết sản xuất tấm tế bào quang điện);
- Sản xuất thiết bị điện khác (Chi tiết sản xuất thiết bị điện năng lượng mặt trời);
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị khác;
- Sản xuất điện (trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng nhà không để ở (Chi tiết Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ);
- Xây dựng công trình đường bộ (Chi tiết xây dựng công trình công ích);
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Mua cổ phần Công ty Cổ phần CRC Solar Cell (nhận chuyển nhượng từ cổ đông hiện hữu):

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 0904/2022/CRC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/4/2022 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 1706/2023/CRC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/6/2023 đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ và thông qua phương án sử dụng vốn bằng việc mua cổ phần Công ty Cổ phần CRC Solar Cell (nhận chuyển nhượng từ cổ đông hiện hữu). Ngày 14/11/2023 Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 1411/2023/CRC/NQ-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

HĐQT trong đó thông qua nội dung mục đích sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng. Cụ thể: Sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng: 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng) để mua 30.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần CRC Solar Cell.

Đến ngày 02/5/2024, việc nhận chuyển nhượng cổ phần từ các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần CRC Solar Cell đã hoàn tất. Số lượng cổ phần Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần CRC Solar Cell là 30.000.000 cổ phần (Ba mươi triệu cổ phần), tỷ lệ 85,71% vốn điều lệ. Từ ngày 02/5/2024, Công ty Cổ phần CRC Solar Cell chính thức trở thành công ty con của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam.

Sau giao dịch mua cổ phần Công ty Cổ phần CRC Solar Cell, hoạt động kinh doanh của Công ty có sự thay đổi về quy mô và cơ cấu như sau:

- Tại ngày báo cáo (ngày 30/6/2024), Tổng tài sản của Công ty đạt 1.246,5 tỷ VND, tăng 598,6 tỷ VND so với cuối năm 2023 (tổng tài sản tại ngày 31/12/2023 là 647,9 tỷ VND);
- Tại ngày 30/6/2024, Công ty có 17 công ty con: 02 công ty con trực tiếp và 15 công ty con gián tiếp; (Năm 2023, Công ty có 14 công ty con: 01 công ty con trực tiếp và 13 công ty con gián tiếp)

1.6. Cấu trúc tập đoàn

Tại ngày 30/6/2024, Tập đoàn có 02 công ty con cấp 1, 15 công ty con cấp 2 (tại ngày 01/01/2024: 01 công ty con cấp 1 và 13 Công ty con cấp 2).

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 17 công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty
- Danh sách các công ty con:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
A	Công ty con cấp 1				
1	Công ty Cổ phần Công nghệ CRC	Hà Nội	Năng lượng	99,98%	99,98%
2	Công ty Cổ phần CRC Solar Cell	Hòa Bình	Sản xuất Pin	85,71%	85,71%
B	Công ty con cấp 2				
Các Công ty con của Công ty Cổ phần Công nghệ CRC (công ty con cấp 2)					
1	Công ty Cổ phần Canadian Solar Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	99,00%	99,00%
2	Công ty Cổ phần CRC Power	Hà Nội	Năng lượng	99,00%	99,00%
3	Công ty Cổ phần CRC Invest	Hà Nội	Năng lượng	99,00%	99,00%
4	Công ty Cổ phần Cung cấp Năng lượng Điện mặt trời	Hà Nội	Năng lượng	98,00%	98,00%
5	Công ty Cổ phần Vinasolar Đồng Tháp	Hà Nội	Năng lượng	95,00%	95,00%
6	Công ty Cổ phần Điện Nhật Nguyên Xanh	KonTum	Năng lượng	95,00%	95,00%
7	Công ty Cổ phần Jinca Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	96,90%	96,90%
8	Công ty Cổ phần Xây lắp điện Lâm Đồng	Hà Nội	Năng lượng	97,00%	97,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
9	Công ty Cổ phần Elecsun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	93,20%	93,20%
10	Công ty Cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Lâm Đồng	Năng lượng	99,50%	99,50%
11	Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Năng lượng xanh	Hà Nội	Năng lượng	96,00%	96,00%
12	Công ty Cổ phần Năng lượng xanh Kosun	KonTum	Năng lượng	96,90%	96,90%
13	Công ty Cổ phần Resun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	97,00%	97,00%

Các Công ty con của Công ty Cổ phần CRC Solar Cell (công ty con cấp 2)

14	Công ty TNHH Điện mặt trời CRC Solar	Hòa Bình	Năng lượng	99,00%	84,90%
15	Công ty Cổ phần Nhật Nguyên Xanh Solar	Hà Nội	Năng lượng	94,25%	80,80%

Các Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty Cổ phần Vinasolar Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	20,87%	17,90%

1.7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính, các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tập đoàn đã được kiểm toán; Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 06 tháng bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 30/6/2024.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 31/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát đối với các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ của công ty con được phân bổ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng giá trị nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.4 Tỷ giá hối đoái****Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Giao dịch tại ngân hàng thương mại nào sẽ sử dụng tỷ giá của chính ngân hàng đó.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm tài chính được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu của dự án xây dựng chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 45 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 05 - 20 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 05 - 10 năm |
| ▪ Thiết bị quản lý | 04 - 08 năm |

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 37 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.10 Bất động sản đầu tư (“BĐSDT”)

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến của Ban Tổng Giám đốc.

Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản nắm giữ để cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng, chi phí lắp đặt, chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản chi phí bảo hiểm tài sản, giá trị các công cụ dụng cụ và chi phí trả trước khác có thời gian phân bổ vào kết quả kinh doanh từ dưới 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa hệ thống pin và chi phí khác được phân bổ trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

4.13 Các khoản nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.14 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng.

Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả và các khoản chi phí phải trả khác.

4.15 Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.16 Vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.17 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

4.18 Doanh thu và thu nhập**a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu dịch vụ được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

b) Các khoản thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi thanh lý các khoản đầu tư và chênh lệch tỷ giá.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá:

Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

4.19 Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong năm.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và lỗ chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) và các khoản chi phí tài chính khác trong kỳ được ghi nhận đầy đủ.

4.20 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (“GTGT”)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

Chi phí thuế TNDN bao gồm: Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là khoản thuế TNDN sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các Công ty con hoạt động trong lĩnh vực sản xuất năng lượng tái tạo được hưởng ưu đãi theo khoản 1 điều 15 và khoản 1, 2 điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN. Theo đó các công ty con được miễn thuế TNDN cho 4 năm đầu và giảm 50% số thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.21 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, trả thù lao Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4.22 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định hợp nhất riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định hợp nhất riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng hóa, Năng lượng và dịch vụ, đầu tư tài chính và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là Việt Nam và xuất khẩu ra nước ngoài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.23 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Chi tiết các Bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 8.2

4.24 Các giao dịch hợp nhất kinh doanh trong kỳ**Mua Công ty Cổ phần CRC Solar Cell**

Nghị quyết số 0904/2022/CRC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/4/2022, Đại Hội đồng Cổ đông quyết định thông qua việc nhận chuyển nhượng 30.000.000 cổ phần, tương ứng 300.000.000.000 đồng vốn góp tại Công ty Cổ phần CRC Solar Cell.

Ngày 02/5/2024, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 300.000.000.000 đồng vốn góp (tương ứng 85,71% vốn điều lệ) trong Công ty Cổ phần CRC Solar Cell từ các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần CRC Solar Cell.

Công ty Cổ phần CRC Solar Cell được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400372178 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 09 năm 2011, thay đổi lần thứ 08 ngày 15 tháng 04 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp. Vốn điều lệ của công ty là 350.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Cổ phần CRC Solar Cell tại ngày mua được trình bày như dưới đây.

	Giá trị ghi sổ được xác định tại ngày mua VND
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.312.250.852
Khoản đầu tư tài chính	4.871.390.834
Các khoản phải thu	215.810.877.602
Hàng tồn kho	24.832.798.736
Tài sản cố định	272.189.663.951
Tài sản khác	33.665.370.998
	594.682.352.973
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	2.652.008.622
Người mua trả tiền trước	2.116.462.940
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	56.033.634
Vay và nợ thuê tài chính	210.058.129.994
Khoản phải trả khác	1.545.763.390
	216.428.398.580
Tổng tài sản thuần	378.253.954.393
Cổ đông không kiểm soát	55.405.469.714
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	22.848.484.679
Giá phí hợp nhất kinh doanh	300.000.000.000

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>30/6/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
- Tiền mặt	12.827.625.534	15.099.229.399
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.821.779.668	13.401.057.893
- Các khoản tương đương tiền (*)	19.620.000.000	36.020.000.000
Cộng	47.269.405.202	64.520.287.292

(*) Trong đó, giá trị tiền gửi thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng tại ngày cuối kỳ là 16.200.000.000 đồng. Chi tiết tại thuyết minh số **5.18**.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.2. Các khoản đầu tư tài chính****5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a) Ngắn hạn	29.073.000.000	29.073.000.000	48.820.000.000	48.820.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	29.073.000.000	29.073.000.000	48.820.000.000	48.820.000.000
b) Dài hạn	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
- Trái phiếu (ii)	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Cộng	29.573.000.000	29.573.000.000	49.320.000.000	49.320.000.000

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng TMCP Quân đội với lãi suất 3% - 4%/năm.
- (ii) Số lượng 500 trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với giá mua 500.000.000 VND, kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 25/12/2018 đến 25/12/2028), lãi suất thả nổi. Toàn bộ trái phiếu đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà (Chi tiết tại thuyết minh số 5.18).

5.2.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn CSH VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn CSH VND
- Công ty Cổ phần Vinasolar Việt Nam	4.799.950.000	4.718.390.834	-	-
Cộng	4.799.950.000	4.718.390.834	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.2.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)**

Thông tin về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày cuối kỳ:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vinasolar Việt Nam	Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	20,87%	20,87%	Sản xuất điện

5.2.3 Đầu tư vào đơn vị khác	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Năng lượng CRC Solar	19.600.000.000	-	-	-
Cộng	19.600.000.000	-	-	-

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Thông tin về các khoản đầu tư khác của Công ty tại ngày cuối kỳ:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Năng lượng CRC Solar	Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng	2,72%	2,72%	Sản xuất bán dẫn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.3. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	<u>30/6/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
- Triton Trade Limited	39.216.506.757	-
- Công ty CP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng KonTum	53.942.260.300	-
- Công ty CP Công nghệ EMP	15.441.795.005	2.286.282.005
- Công ty CP Đầu tư CP Farm Việt Nam	28.557.443.224	1.168.913.030
- UAB Baltic Gate Terminal	-	2.661.482.688
- Công ty Điện lực Lâm Đồng - Điện lực Lâm Hà	1.440.683.298	1.722.804.374
- Công ty Điện lực Lâm Đồng - Điện lực Đức Trọng	1.214.866.263	1.149.130.968
- Khách hàng khác	15.248.387.602	3.939.064.020
Cộng	<u>155.061.942.449</u>	<u>12.927.677.085</u>

Trong đó, Phải thu khách hàng là các Bên liên quan (Xem chi tiết tại thuyết minh 8.2)

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>30/6/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
- Công ty CP TMDV Nhật Minh Xanh	9.327.729.500	-
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản GHT	21.998.973.794	43.654.262.550
- Công ty CP Sản xuất XNK Thành Nam	-	3.655.057.966
- Công ty CP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	14.392.552.000	6.892.552.000
- Công ty CP Công nghệ EMP	27.057.013.413	3.080.580.000
- Công ty CP Sunrise Solar Việt Nam	20.726.400.000	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Vicenza	-	407.245.121
- Công ty CP BG Solar	10.911.843.000	-
- Công ty CP Đầu tư CP FARM Việt Nam	16.435.125.940	16.550.831.190
- Công ty CP Gốm sứ Haceco	9.906.414.000	-
- Nhà cung cấp khác	20.960.756.845	2.087.357.250
Cộng	<u>151.716.808.492</u>	<u>76.327.886.077</u>

Trong đó, Trả trước cho người bán là các Bên liên quan (Xem chi tiết tại thuyết minh 8.2)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.5. Phải thu khác

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	50.916.637.378	-	6.223.264.590	-
- Tạm ứng nhân viên (i)	35.874.249.352	-	6.142.315.672	-
+ Ông Nguyễn Quang Huy	-	-	1.142.315.672	-
+ Ông Đặng Quốc Đăng	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
+ Ông Phạm Tiến Hiển	11.756.965.672	-	-	-
+ Bà Nguyễn Thị Thanh Dung	10.105.519.600	-	-	-
+ Ông Nguyễn Việt Tú	9.011.764.080	-	-	-
- Mai Thị Thu Liễu (ii)	10.000.000.000	-	-	-
- Lãi tiền gửi, trái phiếu	28.015.096	-	77.168.307	-
- Các khoản phải thu khác	5.014.372.930	-	3.780.611	-
b) Dài hạn	47.950.000.000	-	42.450.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược	47.950.000.000	-	42.450.000.000	-
+ Bà Triệu Thị Sa (iii)	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
+ Ông Mai Anh Đức (iv)	35.500.000.000	-	30.000.000.000	-
+ Ông Nguyễn Mạnh Hà (v)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
+ Ban Quản lý các KCN tỉnh Lâm Đồng (vi)	450.000.000	-	450.000.000	-
Cộng	98.866.637.378	-	48.673.264.590	-

Trong đó, Phải thu khác là các Bên liên quan (Xem chi tiết tại Thuyết minh 8.2).

- (i) Khoản tạm ứng tiền cho nhân viên phục vụ hoạt động các dự án nhà máy điện.
- (ii) Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Thảo Nguyên Xanh KonTum từ bà Mai Thị Thu Liễu.
- (iii) Tiền đặt cọc thuê đất cho Bà Triệu Thị Sa theo các hợp đồng thuê đất: Hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/CRCINVEST ngày 10/6/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/CRCTECH ngày 10/6/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/HĐTĐ/1NVEST ngày 10/7/2020 thời hạn 25 năm. Các đất thuê này được sử dụng cho các Nhà máy điện mặt trời của Công ty CP Công nghệ CRC và các Công ty con của Công ty CP Công nghệ CRC.
- (iv) Tiền đặt cọc thuê đất cho Ông Mai Anh Đức theo các hợp đồng thuê đất: Hợp đồng thuê đất số 02/2020/HĐTĐ/LAMHA2 ngày 18/9/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/DUCTRONG ngày 30/9/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/HĐTĐ/KONTUM ngày 10/6/2020 thời hạn 25 năm. Các đất thuê này được sử dụng cho các Nhà máy điện mặt trời của Công ty CP Nhật Nguyên Xanh Solar; Công ty CP Công nghệ CRC và các Công ty con của Công ty CP Công nghệ CRC
- (v) Tiền đặt cọc thuê đất cho ông Nguyễn Mạnh Hà theo hợp đồng thuê đất số 03/2020/HĐTĐ/DATEH ngày 24/8/2020 thời hạn 25 năm. Đất thuê này được sử dụng cho Nhà máy điện mặt trời của Công ty CP CRC Invest.
- (vi) Tiền ký quỹ theo Thỏa thuận ký quỹ số 26/TTKQ ngày 11/9/2020 thời hạn từ 11/9/2020 đến 22/02/2054 đảm bảo thực hiện dự án đầu tư Sản xuất lưới thép Công ty CP Vinasolar Bảo Lộc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.6. Nợ xấu

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu khách hàng				
- BEL TamoZhilliya Limited	118.571.650	35.571.495	118.571.650	35.571.495
Cộng	118.571.650	35.571.495	118.571.650	35.571.495

5.7. Chi phí trả trước

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	323.703.326	246.903.595
- Chi phí bảo hiểm	127.645.710	246.389.315
- Công cụ dụng cụ	14.132.613	-
- Chi phí trả trước khác	181.925.003	514.280
b) Dài hạn	4.114.726.811	655.252.321
- Chi phí sửa chữa	409.244.909	530.371.925
- Chứng chỉ CE	396.614.349	-
- Công cụ dụng cụ	147.988.062	108.225.191
- Chi phí trả trước khác	3.160.879.491	16.655.205
Cộng	4.438.430.137	902.155.916

5.8. Hàng tồn kho

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	25.041.446.080	-	200.247.199	-
- Công cụ dụng cụ	4.261.111	-	-	-
- Chi phí SXKD dở dang	246.226.083	-	-	-
- Thành phẩm	-	-	2.430.446.000	-
- Hàng hóa	68.786.970.009	-	39.690.787.758	-
Cộng	94.078.903.283	-	42.321.480.957	-

Chi tiết hàng hoá đang được gửi tại kho của Bên thứ 3:

Tên công ty	Loại hàng gửi	30/6/2024	01/01/2024
		VND	VND
Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam	Nhân hạt điều	34.895.637.250	22.730.811.420
Công ty CP Đầu tư Phát triển Vicenza	Gạch	7.117.076.172	7.459.210.741
Công ty CP CRC Solar Cell	Pin, máy móc	-	7.891.849.772
Công ty CP Gạch ngói Vĩnh Phúc	Gạch, sắt thép	804.840.558	2.879.543.466

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	-	313.552.121.555	4.177.783.636	61.593.636	317.791.498.827
Mua trong kỳ	-	-	1.371.523.245	-	1.371.523.245
Tăng do hợp nhất công ty con	62.683.062.901	152.565.741.980	4.516.700.337	13.442.627.920	233.208.133.138
Số dư cuối kỳ	62.683.062.901	466.117.863.535	10.066.007.218	13.504.221.556	552.371.155.210
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	-	50.455.487.854	1.762.929.570	25.167.297	52.243.584.721
Khấu hao trong kỳ	521.143.012	11.676.674.982	587.503.414	441.817.078	13.227.138.486
Tăng do hợp nhất công ty con	6.461.715.388	33.064.008.102	1.203.960.399	4.620.639.885	45.350.323.774
Số dư cuối kỳ	6.982.858.400	95.196.170.938	3.554.393.383	5.087.624.260	110.821.046.981
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	-	263.096.633.701	2.414.854.066	36.426.339	265.547.914.106
Tại ngày cuối kỳ	55.700.204.501	370.921.692.597	6.511.613.835	8.416.597.296	441.550.108.229

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 287.483.992.924 đồng

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	-	-
Mua trong kỳ	-	-
Tăng do hợp nhất công ty con	4.851.995.501	4.851.995.501
Số dư cuối kỳ	4.851.995.501	4.851.995.501
Hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	22.155.230	22.155.230
Tăng do hợp nhất công ty con	498.492.680	498.492.680
Số dư cuối kỳ	520.647.910	520.647.910
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	-	-
Tại ngày cuối kỳ	4.331.347.591	4.331.347.591

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 4.331.347.591 đồng

5.11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư chờ tăng giá

	<u>01/01/2024</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>30/6/2024</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá	-	74.967.671.766	-	74.967.671.766
Nhà và quyền sử dụng đất (*)	-	74.967.671.766	-	74.967.671.766
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	-	74.967.671.766	-	74.967.671.766
Nhà và quyền sử dụng đất	-	74.967.671.766	-	74.967.671.766

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐS đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 74.967.671.766 đồng;

(*) Toàn bộ giá trị BĐS đầu tư tăng trong kỳ là do hợp nhất Công ty Cổ phần CRC Solar Cell - Công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>30/6/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
- Mua sắm		
+ Mua xe ô tô Vinfast	-	1.358.300.000
- Xây dựng cơ bản dở dang		
+ Dự án Nhà máy Sản xuất Pin mặt trời Yên Bái	44.371.139.535	43.865.649.383
+ Dự án Khu Đô Thị CRC	140.000.000	140.000.000
+ Dự án Nhà máy Sản xuất Pin mặt trời Đà Nẵng	1.269.790.899	-
+ NM Sản xuất lưới thép Công ty CP Vinasolar Bảo Lộc	18.922.293.465	18.103.867.350
+ Dự án Trại gà Công ty CP Công Nghệ CRC	2.000.000.000	2.000.000.000
+ Dự án Trại gà Công ty CP Năng lượng xanh Kosun	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Dự án điện áp mái tại Yên Bái	5.010.680.000	-
Cộng	<u>72.713.903.899</u>	<u>66.467.816.733</u>

5.13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>30/6/2024</u>		<u>01/01/2024</u>	
	Giá trị nợ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị nợ	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam	22.762.499.034	22.762.499.034	-	-
Công ty TNHH Công trình Cơ điện Airsun VN	1.481.214.056	1.481.214.056	1.481.214.056	1.481.214.056
Công ty Phát triển Hạ tầng KCN Lộc Sơn	519.696.000	519.696.000	519.696.000	519.696.000
Công ty TNHH KD DV & TM Ô tô Thăng Long VN - CN Hà Nội	-	-	1.312.130.000	1.312.130.000
Công ty TNHH Dịch vụ Thương Mại Phan Anh	484.437.619	484.437.619	484.437.619	484.437.619
Các đối tượng khác	5.355.114.440	5.355.114.440	805.159.060	839.833.248
Cộng	<u>30.602.961.149</u>	<u>30.602.961.149</u>	<u>4.637.310.923</u>	<u>4.637.310.923</u>

Trong đó, Phải trả người bán ngắn hạn là các Bên liên quan (Xem chi tiết tại Thuyết minh 8.2)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>30/6/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Đại La	2.358.000.000	-
- ET Solar Power Hongkong Limited	502.686.680	-
- Công ty TNHH Casa Mai Sơn	6.481.000	126.000.000
- Các đối tượng khác	120.058.703	1.247.148
Cộng	<u>2.987.226.383</u>	<u>127.247.148</u>

5.15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

a) Thuế và khoản phải nộp nhà nước

	<u>01/01/2024</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>30/6/2024</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	-	809.582.290	809.582.290	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.134.587.158	491.652.220	432.222.982	1.194.016.396
Thuế thu nhập cá nhân	3.499.515	830.282	-	4.329.797
Các loại thuế khác	166.565.224	43.211.794	209.777.018	-
Cộng	<u>1.304.651.897</u>	<u>1.345.276.586</u>	<u>1.451.582.290</u>	<u>1.198.346.193</u>

b) Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	<u>01/01/2024</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>30/6/2024</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	8.338.734	8.338.734
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.451.808	-	7.951.877	36.403.685
Cộng	<u>28.451.808</u>	<u>-</u>	<u>16.290.611</u>	<u>44.742.419</u>

5.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>30/6/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	271.962.106	397.049.212
- Các khoản khác	-	48.000.000
Cộng	<u>271.962.106</u>	<u>445.049.212</u>

5.17. Phải trả khác ngắn hạn

	<u>30/6/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.686.800.500	1.341.800.500
- Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	78.000.000	78.000.000
- Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp	120.768.000	-
Cộng	<u>1.885.568.500</u>	<u>1.419.800.500</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.18. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/6/2024		Trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
-						
+ Vay ngắn hạn	189.975.022.756	189.975.022.756	237.780.627.293	182.936.272.239	135.130.667.702	135.130.667.702
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình (1)	111.448.246.999	111.448.246.999	145.619.481.921	122.190.439.424	88.019.204.502	88.019.204.502
+ Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà (2)	39.927.808.007	39.927.808.007	40.795.170.051	40.833.825.244	39.966.463.200	39.966.463.200
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công (3)	10.506.833.790	10.506.833.790	21.308.841.361	17.189.007.571	6.387.000.000	6.387.000.000
+ VPbank (4)	18.116.819.960	18.116.819.960	19.816.819.960	1.700.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Mỹ Đình (5)	9.905.314.000	9.905.314.000	9.905.314.000	-	-	-
+ Vay cá nhân	70.000.000	70.000.000	335.000.000	1.023.000.000	758.000.000	758.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả	53.682.843.060	53.682.843.060	45.803.097.366	18.984.605.366	26.864.351.060	26.864.351.060
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công (3)	4.100.000.000	4.100.000.000	2.030.000.000	2.030.000.000	4.100.000.000	4.100.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Mỹ Đình (5)	6.654.000.000	6.654.000.000	3.441.256.836	3.441.256.836	6.654.000.000	6.654.000.000
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Trần Duy Hưng (6)	312.351.060	312.351.060	156.175.530	156.175.530	312.351.060	312.351.060
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (7)	78.000.000	78.000.000	39.000.000	39.000.000	78.000.000	78.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (8)	17.520.000.000	17.520.000.000	10.110.000.000	8.310.000.000	15.720.000.000	15.720.000.000
+ Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam - CN Tây Đô (9)	25.018.492.000	25.018.492.000	30.026.665.000	5.008.173.000	-	-
Cộng	243.657.865.816	243.657.865.816	283.583.724.659	201.920.877.605	161.995.018.762	161.995.018.762

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/6/2024		Trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
- Vay dài hạn	161.559.889.726	161.559.889.726	105.011.839.100	18.984.605.366	75.532.655.992	75.532.655.992
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công (3)	9.296.813.701	9.296.813.701	-	2.030.000.000	11.326.813.701	11.326.813.701
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Mỹ Đình (5)	18.275.340.664	18.275.340.664	933.097.500	3.441.256.836	20.783.500.000	20.783.500.000
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Trần Duy Hưng (6)	939.732.230	939.732.230	-	156.175.530	1.095.907.760	1.095.907.760
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (9)	224.500.000	224.500.000	-	39.000.000	263.500.000	263.500.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (8)	38.252.934.531	38.252.934.531	4.500.000.000	8.310.000.000	42.062.934.531	42.062.934.531
+ Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam - CN Tây Đô (9)	94.570.568.600	94.570.568.600	99.578.741.600	5.008.173.000	-	-
- Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	161.559.889.726	161.559.889.726	105.011.839.100	18.984.605.366	75.532.655.992	75.532.655.992

Chi tiết thông tin các khoản vay còn số dư cuối kỳ:

- 1) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình theo các hợp đồng sau:
 - Hợp đồng cho vay số 01/2024/8353501/HĐTD ngày 03/6/2024; Thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất thả nổi. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở có địa chỉ tại Lô đất số BT3.1 khu chức năng đô thị Tây Mỗ thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Tám; Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo GCNQSD số CN467786 thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Tám; 750.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Tám.
 - Hợp đồng cho vay số 01/2023/13344700/HĐTD ngày 10/08/2023; Thời hạn vay là không quá 12 tháng; Lãi suất thả nổi; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động ăn xuất kinh doanh; Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số BT4.2, địa chỉ: BT4.2, Khu chức năng đô thị Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 32a, địa chỉ: Số 26D ngõ 12 Đặng Thị Thanh Mai, phường Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- 2) Khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà theo các Hợp đồng tín dụng số 1260LAV2023 ngày 30/8/2023; Thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất thả nổi. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CQ 666984 của Bà Trần Thị Thu Hiền; Tài sản gắn liền với đất của Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc; 500 Trái phiếu Agribank mang tên Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam với tổng giá trị là 500.000.000 đồng.
- 3) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công theo những hợp đồng tín dụng sau:
 - Hợp đồng cho vay số 01/24/CTD/7040434 ngày 06/03/2024; Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất thả nổi; Mục đích: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất số DE 216985 tại KĐT thị mới Tân Tây Đô, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội. Số tiết kiệm trị giá 153.000.000 đồng.
 - Hợp đồng cho vay dài hạn theo dự án đầu tư số 01/2020/HĐĐA/20598213 ngày 26/6/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án Điện mặt trời; 400.000 cổ phiếu của Công ty Create Capital Việt Nam (CRC) thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tám; Nguồn thu từ dự án điện áp mái Lâm Hà 1; Thửa đất số 80, tờ bản đồ số 9 địa chỉ thôn Thanh Bình, Lâm Hà, Lâm Đồng số BU186588.
 - Hợp đồng cho vay dài hạn theo dự án đầu tư số 01/2020/HĐĐA/2095745 ngày 17/9/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN.
 - Hợp đồng cho vay dài hạn theo dự án đầu tư số 01/2020/HĐĐA/20955417 ngày 09/9/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị, khung nhà xưởng của dự án trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; 350.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (mã CRC) thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Tám; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện giữa EVN và Công ty; Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 9 địa chỉ tại Thôn Thanh Bình, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà tỉnh Lâm Đồng số BO544376.
- 4) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPbank): Hợp đồng cho vay số CLC-4437-01 ngày 06/9/2023; Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất thả nổi; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh gia công tấm pin năng lượng mặt trời. Tài sản đảm bảo: Sổ tiết kiệm trị giá 12.000.000.000 đồng gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.
- 5) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Mỹ Đình theo những hợp đồng tín dụng sau:
 - Hợp đồng cho vay 102696.22.002.2599046.TD ngày 01/3/2023; Thời hạn 06 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất thả nổi; Mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tấm pin năng lượng mặt trời; Tài sản đảm bảo: Sổ tiền gửi tiết kiệm trị giá 4.000.000.000 đồng.
 - Hợp đồng cho vay số 65290.20.011.8298087.TD ngày 23/11/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị của dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty điện lực miền trung; 95% Cổ phần của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam tại Công ty cổ phần Công nghệ CRC theo Giấy chứng nhận góp vốn số 04/CNCP/CRCTECH do Công ty Cổ phần Công nghệ CRC cấp ngày 30/06/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Hợp đồng tín dụng số 12525.011.8374851.TD ngày 16/03/2021; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời mái nhà; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
 - Hợp đồng vay số 4330.21.011.9148657.TD ngày 25/01/2021; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
 - Hợp đồng vay số 4636.21.011.9142097.TD ngày 25/01/2021; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
 - Hợp đồng vay số 12611.21.014.9720117.TD ngày 16/3/2021; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Tổng công ty Điện lực miền nam; Toàn bộ cổ phần của Ông Hồ Công Trứ tại Công ty theo Giấy chứng nhận góp vốn số 02/GCNCP ngày 26/11/2020.
- 6) Khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng theo những hợp đồng tin dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDHP/PL/2021/0494 ngày 02/04/2021 và Hợp đồng tin dụng số SHBVN/TDHP/PL/2021/0658 ngày 28/04/2021; Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất thả nổi. Tài sản thế chấp: Xe ô tô Xpander BKS: 30G-966.76 và Xe ô tô Ford Transit BSK: 29B-317.13.
 - Hợp đồng tín dụng số 806400301157 và hợp đồng thế chấp số SHBVN/TDHP/TC/806400301157 ngày 08/08/2022; Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất thả nổi; Tài sản thế chấp: Xe ô tô Mitsubishi BSK: 29B-622.58.
 - Hợp đồng tín dụng số 806400311830 ngày 10/01/2023 và hợp đồng thế chấp số SHBVN/TDHP/HTC/2023/806400311830 ngày 10/01/2023; Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 10,9%/năm cho năm đầu. Tài sản thế chấp: Xe ô tô Vinfast VF8 BKS: 30K-101.79.
- 7) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng cho vay hạn mức 01/2023-HĐCVHM/NHCT127-CRC ngày 10/02/2023; Thời hạn vay là 60 tháng; Lãi suất thả nổi; Tài sản thế chấp: Xe ô tô Honda City RS BKS 30K-286.47.
- 8) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo những hợp đồng tin dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14209634/HĐTD ngày 11/9/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14209604/HĐTD ngày 11/9/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị, khung nhà xưởng hình thành từ dự án Trang Trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; 350.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (mã CRC) thuộc sở hữu của Bà Dương Thị Huyền; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN; Thửa đất số 183, tờ bản đồ số 9 địa chỉ tại Thôn Thanh Bình, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà tỉnh Lâm Đồng số BO544379.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14209597/HĐTD ngày 21/08/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14519932/HĐTĐ ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Đức tại thôn Tân Phú, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/13908223/HĐTĐ ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại được liệu kết hợp thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/145070831/HĐTĐ ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại được liệu kết hợp thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14532823/HĐTĐ ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14519935/HĐTĐ ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14514121/HĐTĐ ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14209591/HĐTĐ ngày 1/09/2020; Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Mục đích vay: Đầu tư dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo (hệ thống điện mặt trời mái nhà công suất lắp đặt 999 kWp) tại Thôn 1, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay; Quyền sử dụng đất của Chủ trang trại nông nghiệp tại điểm đầu tư dự án Thôn 1, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN.

9) Khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Tây Đô theo hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 1462-LAV-202100370 ngày 22/03/2021; Thời hạn vay 96 tháng; Lãi suất thả nổi; Mục đích vay: Thanh toán các chi phí thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất pin năng lượng mặt trời của Công ty; Tài sản đảm bảo: Quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất số 205, địa chỉ: Khu công nghiệp Lương Sơn. Km 36, QL6, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.19. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	VND		VND		VND		VND	
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng		
Số dư 1/1/2023	300.000.000.000	-	10.645.604.925	57.794.531.547	5.051.623.767	373.491.760.239		
Lãi trong năm trước	-	-	-	28.827.721.665	625.466.510	29.453.188.175		
Giảm khác	-	-	-	-	(485.350.000)	(485.350.000)		
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	(78.000.000)	-	(78.000.000)		
Số dư 31/12/2023	300.000.000.000	-	10.645.604.925	86.544.253.212	5.191.740.277	402.381.598.414		
Số dư đầu kỳ này	300.000.000.000	-	10.645.604.925	86.544.253.212	5.191.740.277	402.381.598.414		
Tăng vốn trong kỳ	300.000.000.000	(406.459.596)	-	-	-	299.593.540.404		
Lãi trong kỳ	-	-	-	44.530.927.500	885.290.494	45.416.217.994		
Tăng do hợp nhất công ty con (*)	-	-	-	-	55.405.469.714	55.405.469.714		
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-		
Thù lao HĐQT và BKS (**)	-	-	-	(78.000.000)	-	(78.000.000)		
Giảm khác (***)	-	-	-	-	(345.000.000)	(345.000.000)		
Số dư cuối kỳ này	600.000.000.000	(406.459.596)	10.645.604.925	130.997.180.712	61.137.500.485	802.373.826.526		

(*) Tăng do hợp nhất số liệu của Công ty Cổ phần CRC Solar Cell.

(**) Trong kỳ, Công ty trích thù lao năm 2023 trả Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát với số tiền 78.000.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 số 1506/2024/CRC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/6/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

(***) Phân phối lợi nhuận cho cổ đông không kiểm soát tại các Công ty con.

	PPLN tại Công ty con	Lợi ích của Công ty mẹ	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại công ty con
	VND	VND	VND
- Trả cổ tức trên vốn điều lệ	12.702.000.000	12.357.000.000	345.000.000
- Điều chỉnh trên BCTC hợp nhất	-	(12.357.000.000)	-
Cộng	12.702.000.000	-	345.000.000

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Ông Mai Anh Tám	40.000.000.000	20.000.000.000
- Ông Mai Anh Đức	28.089.500.000	14.044.800.000
- Cổ đông khác	531.910.500.000	265.955.200.000
Cộng	600.000.000.000	300.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	300.000.000.000	300.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ (*)	300.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	600.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

(*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 0904/2022/CRC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/4/2022 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 1706/2023/CRC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/6/2023 đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ và thông qua phương án sử dụng vốn bằng việc mua cổ phần Công ty Cổ phần CRC Solar Cell (nhận chuyển nhượng từ cổ đông hiện hữu).

- Công ty đã chào bán thành công 30.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Nghị quyết số 2204/2024/CRC/NQ-HĐQT ngày 22/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam đã thông qua kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Báo cáo kết quả số 2204/2024/CRC-BC ngày 22/4/2024.
- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm của Công ty đã được Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam đã cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung ngày 29/5/2024.
- Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, công ty vẫn đang thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo số vốn góp 600.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Tình hình sử dụng vốn:**

- Ngày 14/11/2023 Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 1411/2023/CRC/NQ-HĐQT trong đó thông qua nội dung mục đích sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng. Cụ thể: Sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng: 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng) để mua 30.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần CRC Solar Cell.
- Đến ngày 02/5/2024, việc nhận chuyển nhượng cổ phần từ các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần CRC Solar Cell đã hoàn tất. Số lượng cổ phần Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần CRC Solar Cell là 30.000.000 cổ phần (Ba mươi triệu cổ phần), tỷ lệ 85,71% vốn điều lệ. Từ ngày 02/5/2024, Công ty Cổ phần CRC Solar Cell chính thức trở thành công ty con của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam.

d) Cổ phiếu

	<u>30/6/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.000.000	30.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

e) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: Không phát sinh
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh;
- + Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh.

f) Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>30/6/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	10.645.604.925	10.645.604.925

5.19 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Loại tiền	<u>30/6/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
- Tiền gửi ngân hàng	Đô la Mỹ (USD)	171.653,33	129.412,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	174.984.118.436	154.016.963.957
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	46.937.872.118	29.043.213.358
Cộng	221.921.990.554	183.060.177.315

Trong đó, Doanh thu bán hàng cho các Bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 8.2)

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm	167.727.993.471	147.141.209.377
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.419.191.804	8.787.340.208
Cộng	185.147.185.275	155.928.549.585

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	341.262.210	97.665.325
- Lãi chênh lệch tỷ giá	229.729.217	33.253.662
- Doanh thu khác	-	6.300.000
Cộng	570.991.427	137.218.987

6.4. Chi phí tài chính

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
- Lãi vay	8.224.499.524	7.810.063.747
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	83.864.750	-
Cộng	8.308.364.274	7.810.063.747

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.5. Chi phí bán hàng

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.352.645.873	255.861.162
Cộng	1.352.645.873	255.861.162

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	1.704.232.619	1.126.618.022
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	219.240.199	51.487.388
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	710.951.302	586.653.717
- Thuế, phí và lệ phí	42.000.000	36.000.000
- Lợi thế thương mại phân bổ	81.121.217	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.433.134.452	919.965.944
- Chi phí bằng tiền khác	464.610.351	275.339.648
Cộng	4.655.290.140	2.996.064.719

6.7. Thu nhập khác

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
- Lãi từ giao dịch mua công ty con giá rẻ	22.848.484.679	-
- Khoản bồi thường	-	244.834.309
- Thu nhập khác	277.366	1.200
Cộng	22.848.762.045	244.835.509

6.8. Chi phí khác

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
- Thuế bị phạt, truy thu	-	7.940.690
- Chi phí khác	25.591.602	12.557.543
Cộng	25.591.602	20.498.233

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.269.426.892	1.387.487.388
- Chi phí nhân công	4.643.046.186	1.126.618.022
- Chi phí khấu hao TSCĐ	13.188.111.895	9.199.536.645
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.422.856.790	1.397.966.206
- Chi phí khác bằng tiền	498.021.542	278.339.648
Cộng	33.021.463.305	13.389.947.909

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp("TNDN") hiện hành

Thuyết minh	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	436.448.868	547.872.634
Cộng	436.448.868	547.872.634

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

6.11. Lãi trên cổ phiếu

	Đơn vị tính	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
		VND	VND
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông công ty mẹ	VND	44.530.927.500	15.546.065.054
- Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	VND	-	-
- Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	44.530.927.500	15.546.065.054
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	Cổ phần	40.000.000	30.000.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành bổ sung	Cổ phần	40.000.000	51.800.000
- Lãi trên cổ phiếu			
+ Lãi cơ bản	VND/Cổ phần	1.113	518
+ Lãi suy giảm	VND/Cổ phần	557	190

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

7. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	159.469.346.599	207.522.842.304
Cộng	159.469.346.599	207.522.842.304

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
- Tiền trả nợ vay theo kế ước thông thường	201.920.877.605	207.008.976.678
Cộng	201.920.877.605	207.008.976.678

7.3. Các giao dịch phi tiền tệ khác

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
- Tiền thu từ đi vay qua đánh giá CLTG	83.481.800	366.989.136
- Tiền thu từ đi vay qua hợp nhất công ty con	210.058.129.994	-
- Khấu hao tăng do hợp nhất công ty con	45.848.816.454	-
- TSCĐ tăng do hợp nhất công ty con	318.038.480.405	-
- Vốn CSH tăng do hợp nhất công ty con	55.405.469.714	-
- Đầu tư tăng do hợp nhất công ty con	4.871.390.834	-

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***8.2 Thông tin về các bên liên quan****a) Thông tin về các bên liên quan**

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	Thành viên chủ chốt
2	Công ty TNHH Đầu tư và TMDV Hoàng Minh BG	BLQ của TV HĐQT từ ngày 09/4/2022
3	Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của Chủ tịch HĐQT
4	Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại SHP	BLQ của Tổng Giám đốc
5	Công ty Cổ phần Vinasolar Việt Nam	Công ty liên kết từ ngày 2/5/2024
6	Ông Lê Quang Thạch	Giám đốc công ty con
7	Công ty CP Hăng sơn Đông Á	Có cùng Chủ tịch HĐQT

b) Giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan***Giao dịch trọng yếu và số dư của Công ty với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan:***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
Hội đồng quản trị		
Ông Mai Anh Tám	12.000.000	12.000.000
Bà Dương Thị Huyền	105.226.744	59.966.154
Ông Hoàng Trung Kiên	12.000.000	12.000.000
Ông Phạm Văn Trường	12.000.000	12.000.000
Ông Lê Thành Nhân	12.000.000	12.000.000
Ban Kiểm soát		
Bà Phạm Thị Huệ	62.240.633	49.633.761
Bà Hà Thị Hiến	6.000.000	6.000.000
Ông Nguyễn Văn Nhu	6.000.000	6.000.000
Ban Giám đốc		
Vũ Thị Thủy	84.856.154	50.800.000
Kế toán trưởng		
Nguyễn Thị Thúy Nga	63.383.254	21.994.957
Cộng	375.706.785	242.394.872

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong kỳ:**

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
		VND	VND
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại SHP	Nhận trước tiền mua hàng	-	3.541.457.000
	Trả lại tiền ứng trước	-	3.541.457.000
	Nhận lại tiền ứng trước	-	518.542.999
Công ty TNHH Đầu tư và TMDV Hoàng Minh BG	Nhận lại tiền ứng trước	-	8.381.644.880
Ông Lê Quang Thạch	Ủy thác đầu tư	-	16.200.000.000
Ông Mai Anh Đức	Phải trả tiền thuê đất	-	99.479.100
	Trả tiền thuê đất	-	123.479.100
	Nộp tiền mua cổ phiếu phát hành	14.044.800.000	-
Mai Anh Tám	Nộp tiền mua cổ phiếu phát hành	20.000.000.000	-
Dương Thị Huyền	Nộp tiền mua cổ phiếu phát hành	6.500.000.000	-
Phạm Thị Huệ	Nộp tiền mua cổ phiếu phát hành	7.330.000.000	-
Nguyễn Thị Thúy Nga	Nộp tiền mua cổ phiếu phát hành	5.216.710.000	-

Số dư với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu dài hạn khác	35.500.000.000	30.000.000.000
Ông Mai Anh Đức	35.500.000.000	30.000.000.000

Ngoài ra, Ông Mai Anh Tám, Bà Trần Thị Thu Hiền (Vợ ông Mai Anh Tám), Ông Mai Anh Đức (con Ông Mai Anh Tám) và Bà Dương Thị Huyền đã sử dụng các tài sản cá nhân để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty. (Xem chi tiết tại Thuyết minh số **5.18**).

8.3 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định hợp nhất riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

a) Kết quả hoạt động kinh doanh phân chia theo bộ phận của kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024:

Khoản mục	Kinh doanh	Năng lượng	Đầu tư	Cộng
	hàng hóa	và dịch vụ	tài chính	
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần của bộ phận	174.984.118.436	46.937.872.118	-	221.921.990.554
Doanh thu thuần	174.984.118.436	46.937.872.118	-	221.921.990.554
Chi phí của bộ phận	172.470.952.967	26.992.532.595	-	199.463.485.562
Giá vốn	167.727.993.471	17.419.191.804	-	185.147.185.275
Chi phí bán hàng	1.160.745.873	191.900.000	-	1.352.645.873
Chi phí quản lý	2.330.633.845	2.324.656.295	-	4.655.290.140
Chi phí lãi vay	1.251.579.778	7.056.784.496	-	8.308.364.274
Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận	2.513.165.469	19.945.339.523	-	22.458.504.992
Thu nhập từ HĐTC	-	-	570.991.427	570.991.427
Lợi nhuận khác	(25.314.236)	-	22.848.484.679	22.823.170.443
Lợi nhuận trước thuế TNDN	2.487.851.233	19.945.339.523	23.419.476.106	45.852.666.862
Chi phí thuế TNDN hiện hành	436.448.868	-	-	436.448.868
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.051.402.365	19.945.339.523	23.419.476.106	45.416.217.994

b) Kết quả hoạt động kinh doanh phân chia theo bộ phận của kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023:

Khoản mục	Kinh doanh	Năng lượng	Đầu tư	Cộng
	hàng hóa	và dịch vụ	tài chính	
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần của bộ phận	154.016.963.957	29.043.213.358	-	183.060.177.315
Doanh thu thuần	154.016.963.957	29.043.213.358	-	183.060.177.315
Chi phí của bộ phận	151.035.392.611	15.955.146.602	-	166.990.539.213
Giá vốn	147.141.209.377	8.787.340.208	-	155.928.549.585
Chi phí bán hàng	255.861.162	-	-	255.861.162
Chi phí quản lý	2.200.759.512	795.305.207	-	2.996.064.719
Chi phí lãi vay	1.437.562.560	6.372.501.187	-	7.810.063.747
Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận	2.981.571.346	13.088.066.756	-	16.069.638.102
Thu nhập từ HĐTC	-	-	137.218.987	137.218.987
Lợi nhuận khác	224.337.276	-	-	224.337.276
Lợi nhuận trước thuế TNDN	3.205.908.622	13.088.066.756	137.218.987	16.431.194.365
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	547.872.634
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	-	-	15.883.321.731

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

c) Tài sản theo bộ phận tại ngày cuối kỳ:

Khoản mục	Kinh doanh hàng hóa	Năng lượng và dịch vụ	Đầu tư tài chính	Cộng
	VND	VND	VND	VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	268.247.043.499	274.838.115.909	29.073.000.000	572.158.159.408
Tài sản dài hạn	2.078.893.557	647.527.573.956	24.818.390.834	674.424.858.347
Tổng tài sản	270.325.937.056	922.365.689.865	53.891.390.834	1.246.583.017.755
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ phải trả ngắn hạn	148.666.786.678	133.866.525.710	-	282.533.312.388
Nợ phải trả dài hạn	1.280.221.345	160.395.657.496	-	161.675.878.841
Tổng Nợ phải trả	149.947.008.023	294.262.183.206	-	444.209.191.229

d) Tài sản theo bộ phận tại ngày đầu kỳ:

Khoản mục	Kinh doanh hàng hóa	Năng lượng và dịch vụ	Đầu tư tài chính	Cộng
	VND	VND	VND	VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	185.913.942.504	37.628.396.299	48.820.000.000	272.362.338.803
Tài sản dài hạn	69.031.179.412	306.089.803.748	500.000.000	375.620.983.160
Tổng tài sản	254.945.121.916	343.718.200.047	49.320.000.000	647.983.321.963
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ phải trả ngắn hạn	132.173.281.263	37.779.797.179	-	169.953.078.442
Nợ phải trả dài hạn	1.475.396.875	74.173.248.232	-	75.648.645.107
Tổng Nợ phải trả	133.648.678.138	111.953.045.411	-	245.601.723.549

8.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân phối chủ yếu ở trong lãnh thổ nội địa và quốc tế.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
Khu vực nội địa	165.429.284.814	165.891.638.164
Khu vực nước ngoài	56.492.705.740	17.168.539.151

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

8.4 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tập đoàn đã được kiểm toán; Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023.

Người lập biểu



VŨ THỊ PHƯƠNG ANH

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THÚY NGA

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



DƯƠNG THỊ HUYỀN

